

Ứng dụng lý thuyết Mã hóa - giải mã của Stuart Hall trong truyền thông về quyền con người trên phát thanh hiện đại

ThS. HÀ MẠNH THẮNG

Email: hathangvov74@gmail.com

Đài Tiếng nói Việt Nam Khu vực Tây Nguyên

NGUYỄN DOÃN QUÂN

Email: doanquann123@gmail.com

Trường Đại học Thăng Long

Tóm tắt: Nghiên cứu ứng dụng khung lý thuyết Mã hóa - Giải mã của Stuart Hall để phân tích cách mà thông điệp được mã hóa bởi người sản xuất và giải mã bởi công chúng. Mặc dù mô hình này đã được áp dụng rộng rãi trong truyền hình, báo chí và truyền thông số nói chung nhưng nghiên cứu hệ thống trên phát thanh hiện đại vẫn còn hạn chế. Bài viết sử dụng phương pháp phân tích tài liệu nhằm làm rõ mối liên hệ giữa sản xuất thông điệp, giải mã của công chúng và ảnh hưởng của ý thức hệ.

Từ khóa: lý thuyết mã hóa; truyền thông về quyền con người; phát thanh hiện đại.

1. Đặt vấn đề

Truyền thông đại chúng đóng vai trò thiết yếu trong việc phổ biến và củng cố các giá trị quyền con người, trở thành kênh trung gian quan trọng để truyền tải thông tin, định hình nhận thức và thúc đẩy hành vi xã hội. Thông qua các phương tiện truyền thông, những nguyên tắc cơ bản về nhân quyền không chỉ được phổ biến rộng rãi mà còn giúp công chúng nhận thức rõ vai trò và trách nhiệm của bản thân trong việc bảo vệ các quyền này. Trong bối cảnh đó, phát thanh, với vai trò lâu đời trong việc kết nối và tác động trực tiếp đến cảm xúc người nghe, đã trải qua những chuyển đổi mạnh mẽ, từ hình thức truyền thống sang các nền tảng phát thanh hiện đại như podcast, digital audio và các dịch vụ phát trực tuyến.

Những thay đổi này không chỉ đa dạng hóa nội dung và phương thức phát thanh, mà còn làm thay đổi cách thức công chúng tiếp nhận, tương tác và giải mã thông điệp, tạo ra những thách thức và cơ hội mới cho nghiên cứu truyền thông. Các thông điệp về quyền con người vốn mang tính nhạy cảm và phức tạp, chịu ảnh hưởng sâu rộng từ hệ tư

tưởng, văn hóa và chính trị. Do đó, việc phân tích và đánh giá hiệu quả truyền thông các thông điệp này đòi hỏi một lăng kính lý thuyết sắc bén, giúp nắm bắt không chỉ cách thức các thông điệp được mã hóa mà còn là cách chúng được công chúng giải mã và tái tạo ý nghĩa trong bối cảnh xã hội văn hóa đa dạng. Lý thuyết mã hóa - giải mã của Stuart Hall đã chứng minh là một công cụ lý thuyết hữu ích để nghiên cứu quá trình truyền tải và giải thích ý nghĩa của thông điệp truyền thông, mang lại những hiểu biết quan trọng về mối quan hệ giữa sản xuất thông điệp, hệ tư tưởng và nhận thức của công chúng.

Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu hiện nay tập trung vào truyền hình, truyền thông số trong khi phát thanh hiện đại chưa được khai thác đầy đủ. Đây chính là khoảng trống trong việc vận dụng lý thuyết Mã hóa - Giải mã để phân tích và đo lường hiệu quả truyền thông quyền con người trên phát thanh hiện đại. Khoảng trống này đặt ra nhu cầu cấp thiết của các nghiên cứu chuyên sâu về việc vận dụng lý thuyết Mã hóa - Giải mã để phân tích và đo lường hiệu quả truyền thông quyền con

người trên phát thanh hiện đại.

Việc hệ thống hóa các nghiên cứu liên quan đến lý thuyết và tổng hợp các công trình về truyền thông quyền con người cùng phát thanh hiện đại sẽ giúp xác định rõ những khía cạnh chưa được khai thác. Đồng thời, công việc này cũng mở ra hướng nghiên cứu mới, cung cấp cơ sở lý thuyết và thực tiễn để nâng cao chất lượng, hiệu quả và khả năng tác động của thông điệp quyền con người trong bối cảnh truyền thông âm thanh hiện đại.

2. Lý thuyết mã hóa - giải mã của Stuart Hall

2.1. Nguồn gốc và bản chất cốt lõi của lý thuyết

Stuart Hall (1932 - 2014) sinh ra tại Kingston, trong một gia đình trung lưu ở Jamaica. Ông được xem là một trong những người đặt nền móng cho trường phái Văn hóa học Anh. Lý thuyết mã hóa - giải mã của Stuart Hall được hình thành từ cách ông lý giải quá trình một thông điệp truyền thông được tạo ra, truyền tải và tiếp nhận. Đóng góp nổi bật của ông nằm ở việc chỉ ra cấu trúc chặt chẽ của quá trình ấy, từ khâu sản xuất ý nghĩa đến cách khán giả tiếp nhận và diễn giải thông điệp. Từ đó, lý thuyết giúp làm rõ bản chất tương tác, không tuyến tính của truyền thông đại chúng (S Hall, 1980)⁽¹⁾. Lý thuyết này có ảnh hưởng sâu rộng trong lĩnh vực nghiên cứu truyền thông và báo chí, đặc biệt trong việc lý giải cách công chúng tiếp nhận, diễn giải và phản hồi trước các thông điệp truyền thông.

Lý thuyết của Stuart Hall đã phá vỡ quan điểm truyền thống coi công chúng là những người tiếp nhận thông tin một cách thụ động. Ông nhấn mạnh rằng, khán giả là những chủ thể tích cực, tham gia "giải mã" thông điệp dựa trên nền tảng văn hóa, bối cảnh xã hội và trải nghiệm cá nhân. Việc nắm bắt cách công chúng giải mã thông điệp giúp nhà sản xuất tinh chỉnh nội dung, giảm thiểu hiểu lầm và tối ưu hóa hiệu quả truyền thông (S Hall, 2019)⁽²⁾.

Mã hóa là quá trình nhà sản xuất nội dung, sử dụng hệ thống ký hiệu (hình ảnh, biểu tượng, ngôn ngữ, video, infographic, âm thanh) để xây dựng thông điệp dựa trên dữ liệu và ý nghĩa xã hội cụ thể. Ý nghĩa thông điệp không chỉ xuất phát từ ý

định chủ quan của người sản xuất mà còn chịu chi phối bởi các yếu tố khách quan như bối cảnh xã hội và kinh nghiệm cá nhân. Thông điệp được truyền tải qua các hình thức biểu đạt của báo chí, mạng xã hội hoặc các hình thức khác, tồn tại như một sản phẩm ký hiệu mở, có khả năng được diễn giải theo nhiều ý nghĩa khác nhau. Ngược lại, giải mã là quá trình công chúng tiếp cận, hiểu và tiếp nhận thông điệp. Quá trình này chịu ảnh hưởng từ nền tảng tri thức, văn hóa, vị thế xã hội và trải nghiệm cá nhân của người tiếp nhận. Theo Stuart Hall, công chúng không thụ động tiếp thu mà có thể chủ động diễn giải thông điệp theo cách riêng, từ đó tạo ra những ý nghĩa đa dạng và đôi khi trái ngược với ý định ban đầu (S Hall, 2019)⁽³⁾.

2.2. Phân tích ba vị thế giải mã

Stuart Hall cho rằng quá trình tiếp nhận và giải mã thông điệp của công chúng không diễn ra theo một chiều, mà phụ thuộc vào vị thế, trải nghiệm và hệ thống giá trị của từng cá nhân trong bối cảnh xã hội cụ thể. Ông xác định ba cách giải mã thông điệp tiêu biểu, phản ánh các mức độ khác nhau trong mối quan hệ giữa người gửi và người nhận thông tin (S Hall, 2019)⁽⁴⁾.

Thứ nhất, vị trí thống trị - bá quyền. Ở vị trí này, công chúng tiếp nhận, đồng tình và chấp nhận thông điệp đúng theo ý đồ mà người sản xuất hoặc nhà phát thông tin đã mã hóa. Cách hiểu này thể hiện sự "thành công" tuyệt đối của quá trình truyền thông, khi hệ thống mã hóa và giải mã trùng khớp, tạo nên sự thống nhất giữa người sản xuất và người tiếp nhận. Công chúng trong trường hợp này tin tưởng vào tính đúng đắn, hợp lý và khách quan của thông điệp, đồng thời không đặt ra nghi vấn hay phản biện.

Thứ hai, vị trí thương lượng. Đây là vị thế trung gian và phổ biến nhất trong thực tế. Ở đây, công chúng vừa chấp nhận, vừa điều chỉnh thông điệp dựa trên kinh nghiệm, quan điểm và lợi ích cá nhân. Họ có thể thừa nhận các giá trị cốt lõi mà thông điệp đưa ra, nhưng đồng thời cũng vận dụng, bổ sung hoặc phản biện một phần nội dung để phù hợp với bối cảnh và trải nghiệm riêng.

Thứ ba, vị trí đối kháng. Đây là vị thế mà công

chúng không chỉ từ chối mà còn chủ động diễn giải lại thông điệp theo hướng ngược lại với ý đồ của nhà sản xuất. Người ở vị trí này nhận ra những mã thống trị, những ý nghĩa mang tính ý thức hệ ẩn sau thông điệp và phản kháng lại chúng bằng cách tạo ra một cách hiểu mới, đối lập.

3. Tổng quan các hướng nghiên cứu liên quan

3.1. Truyền thông về quyền con người

Eric Heinze & Rosa Freedman (2010)⁽⁵⁾ đã phân tích việc đưa tin hàng ngày về nhân quyền toàn cầu trong ba tháng (10 - 12/2006) trên 4 tờ báo lớn của Mỹ và Anh: The New York Times, The Wall Street Journal, The Guardian và The Financial Times. Mục tiêu là tìm hiểu các yếu tố liên quan đến nhân quyền nhưng vẫn ảnh hưởng đến số lượng và chất lượng thông tin được đăng tải. Clair Apodaca (2007)⁽⁶⁾ đã phân tích tác động của khả năng tiếp cận truyền thông và tự do báo chí đối với việc bảo vệ quyền con người.

Kết quả thống kê cho thấy có mối liên hệ đáng kể giữa quyền tiếp cận truyền thông, tự do báo chí và mức độ vi phạm nhân quyền. Nguyễn Thị Thu Hà (2024)⁽⁷⁾ đã xác định rõ xu hướng phát triển và đưa ra các giải pháp hữu hiệu nhằm tiếp tục phát huy vai trò bảo vệ quyền con người trong kỷ nguyên mới. Tường Duy Kiên (2017)⁽⁸⁾ đã khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng của báo chí, truyền thông trong việc bảo vệ, bảo đảm và đánh tranh về quyền con người, quyền công dân. Đồng thời, tác giả cũng nêu rõ những định hướng, nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong bối cảnh mới.

3.2. Những yếu tố ảnh hưởng tới truyền thông về quyền con người

Việc truyền tải những thông điệp về quyền con người không đơn giản. Một là, tính nhạy cảm của chủ đề. Quyền con người luôn gắn liền với các vấn đề như tự do ngôn luận, bình đẳng giới, quyền thiểu số hay đề cập tới những đối tượng như phụ nữ, trẻ em, người già, người khuyết tật. Đây là những đối tượng dễ bị tổn thương và thiệt thòi trước nhiều nguy cơ (Lê Thị Trang, 2023)⁽⁹⁾. Do đó, truyền thông thường phải đối mặt với việc bị hiểu lầm hoặc bị cho là quan điểm thiếu chính thống. Hai là, tính hàn lâm trong ngôn ngữ. Các

khái niệm về nhân quyền thường diễn đạt bằng ngôn ngữ pháp lý hoặc học thuật, mang tính trừu tượng và khó hiểu đối với công chúng (Sara Silecchia và cộng sự, 2022)⁽¹⁰⁾. Những thuật ngữ nếu không được chuyển hóa thành ngôn ngữ đời thường sẽ khiến thông điệp trở nên xa cách. Ba là, xung đột văn hóa. Dù các giá trị nhân quyền mang tính phổ quát, song chúng được diễn giải khác nhau tùy theo nền văn hóa (Johannessen, M, 2015)⁽¹¹⁾. Điều này có thể tạo ra sự kháng cự hoặc hiểu lầm khi tiếp nhận thông điệp nếu truyền thông sai cách. Điều được xem là chấp nhận được, thậm chí là chuẩn mực trong một nền văn hóa, lại có thể bị coi là sự xúc phạm hoặc gây hại trong một nền văn hóa khác.

Sự khác biệt này không phải là thách thức đối với tính phổ quát của nhân quyền, mà là lời kêu gọi về một cách áp dụng nhân quyền sâu sắc, linh hoạt và hiệu quả hơn (Sustainability Directory, 2025)⁽¹²⁾. Có thể thấy, mặc dù có nhiều nghiên cứu về khía cạnh mã hóa (phân tích nội dung), nhưng lại thiếu vắng nghiên cứu chuyên sâu về quá trình giải mã (cách công chúng tiếp nhận và phản ứng). Sự thiếu cân đối này dẫn đến việc hiểu biết về hiệu quả truyền thông về quyền con người trên báo chí nói chung và phát thanh nói riêng chưa có tính bao quát và đa chiều.

3.3. Phát thanh hiện đại

Stephen Lax và cộng sự (2008)⁽¹³⁾ đã xem xét quá trình phát triển dịch vụ phát thanh âm thanh kỹ thuật số (Digital Audio Broadcasting - DAB) ở 4 quốc gia Châu Âu, qua đó minh họa sự khác biệt trong các hình thức phát triển. Lawrie Hallett (2021)⁽¹⁴⁾ đã tập trung vào quy mô và tốc độ thay đổi đáng kể của ngành phát thanh trong 2 thập kỷ đầu của thế kỷ 21.

Không còn là một phương tiện độc lập, bài viết lập luận rằng tương lai của phát thanh phụ thuộc vào cách thức mà nó đối mặt với những thách thức và cơ hội do công nghệ mới và đa nền tảng mang lại. Hafra Hanum và cộng sự (2023)⁽¹⁵⁾ đã nghiên cứu nhằm mục tiêu tạo ra một sản phẩm Podcast chất lượng, đáp ứng các tiêu chí về tính phù hợp của tài liệu giảng dạy, đồng thời xác định mức độ

khả thi của sản phẩm dựa trên đánh giá của chuyên gia thẩm định nội dung, chuyên gia thẩm định phương tiện và ý kiến của học sinh. Nguyễn Văn Trường (2020)⁽¹⁶⁾ đã phân tích vị thế của phát thanh trong thời kỳ bùng nổ thông tin và cạnh tranh khốc liệt với các loại hình truyền thông mới, đặc biệt là mạng xã hội. Từ đó, tác giả đề xuất các giải pháp cho các đài phát thanh Việt Nam nhằm phát huy vai trò và sứ mệnh của phát thanh trong kỷ nguyên truyền thông số. Vũ Quốc Cường (2020)⁽¹⁷⁾ đã trình bày sự hình thành và phát triển của phát thanh kỹ thuật số trong bối cảnh số và sự bùng nổ Internet toàn cầu.

3.4. Các nghiên cứu ứng dụng lý thuyết Stuart Hall

Tác giả Christopher P. Campbell (2016)⁽¹⁸⁾ đã tổng hợp các cách tiếp cận lý thuyết mà các học giả đã sử dụng để phân tích những phức tạp của thông điệp truyền thông về chủng tộc và sắc tộc. Cuối cùng, tác giả đưa ra tổng kết về các vấn đề truyền thông liên quan đến từng nhóm chủng tộc và sắc tộc cụ thể, đồng thời mô tả mối quan hệ giữa nghiên cứu về chủng tộc với nghiên cứu về giới và xu hướng tính dục. Michella Iswarinda và cộng sự (2025)⁽¹⁹⁾ đã phân tích vai trò của truyền thông trong việc định hình dư luận trước cuộc Bầu cử Tổng thống năm 2024, tập trung vào việc phát sóng bài Maghrib adhan có sự xuất hiện của Ganjar Pranowo trên đài truyền hình thuộc Tập đoàn MNC vào tháng 9/2023.

Kết quả cho thấy, các chương trình mang màu sắc chính trị không được công chúng tiếp nhận một cách thụ động, mà thông qua quá trình giải mã chịu ảnh hưởng bởi nền tảng xã hội và văn hóa của họ. Vũ Thị Minh Tâm (2025)⁽²⁰⁾ đã phân tích mô hình mã hóa và giải mã của Stuart Hall và ý nghĩa trong việc định hình thông điệp đối ngoại trên báo mạng điện tử Việt Nam. Phạm Thị Thanh Tịnh (2021)⁽²¹⁾ đã vận dụng mô hình mã hóa - giải mã của Stuart Hall để nghiên cứu các vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc dành cho đồng bào dân tộc thiểu số trong báo chí - truyền thông.

Như vậy, mặc dù lý thuyết mã hóa - giải mã của Stuart Hall đã được ứng dụng rộng rãi trong nhiều

lĩnh vực truyền thông, nhưng các nghiên cứu áp dụng khung lý thuyết này để phân tích thông điệp mang tính hệ tư tưởng trên kênh phát thanh hiện đại vẫn còn rất hạn chế. Phần lớn các công trình hiện nay tập trung vào báo chí, truyền hình hoặc truyền thông số, trong khi phát thanh với đặc trưng âm thanh, tính tuyến tính và khả năng tác động sâu đến cảm xúc người nghe thì lại chưa được khai thác đầy đủ dưới góc độ giải mã ý nghĩa.

4. Khả năng ứng dụng lý thuyết của Stuart Hall trong nghiên cứu truyền thông về quyền con người trên phát thanh.

Lý thuyết mã hóa giải mã của Stuart Hall cho thấy nhiều khả năng ứng dụng trong nghiên cứu truyền thông về quyền con người.

Thứ nhất, mọi thông điệp truyền thông đều mang tính ý thức hệ, tức là chúng được mã hóa theo hệ giá trị quan điểm và lợi ích của chủ thể sản xuất thông tin, thường là những thiết chế quyền lực như nhà nước, tổ chức truyền thông, hoặc các nhóm lợi ích chính trị (S Hall, 1980⁽²²⁾; Croteau, D., & Hoynes, 2013⁽²³⁾). Do đó, khi truyền thông về quyền con người, cách thức mã hóa thông điệp sẽ phản ánh rõ quan điểm chính trị, định hướng xã hội và mức độ kiểm soát diễn ngôn của các chủ thể này.

Thứ hai, lý thuyết mã hóa - giải mã đặc biệt hữu ích vì nó trao quyền phân tích cho công chúng. Thay vì xem công chúng là đối tượng thụ động, lý thuyết này nhấn mạnh khả năng chủ động, sáng tạo và phản biện của người tiếp nhận trong việc kiến tạo ý nghĩa. Trong truyền thông về quyền con người, đây là điểm mấu chốt. Cùng một thông điệp, có thể tạo ra sự đồng thuận khi công chúng chấp nhận thông điệp như một chân lý đúng đắn; sự thương lượng khi công chúng vừa đồng ý vừa nghi ngờ, điều chỉnh ý nghĩa; hoặc sự đối kháng khi công chúng phản bác, giải mã ngược thông điệp theo hệ giá trị riêng. Ba cấp độ này phản ánh sự đa dạng trong nhận thức xã hội.

Thứ ba, các thông điệp về quyền con người thường là nơi diễn ra sự giằng co giữa các diễn ngôn (Marta Szczepanik, 2014)⁽²⁴⁾. Lý thuyết này giúp làm rõ cơ chế vận hành quyền lực qua truyền

thông (S Hall, 2021)⁽²⁵⁾. Quyền lực không chỉ nằm ở người sản xuất, mà còn được thông qua quá trình giải mã và phản hồi của công chúng. Một khi công chúng giải mã theo hướng đối kháng, quá trình ấy trở thành hành động chính trị, góp phần định hình lại không gian diễn ngôn về quyền con người.

Thứ tư, chính vì đặt trọng tâm vào sự thương lượng ý nghĩa trong bối cảnh xã hội cụ thể, lý thuyết của Hall đặc biệt phù hợp để phân tích những vấn đề như quyền con người. Thông qua việc xem xét quá trình mã hóa - giải mã, nhà nghiên cứu có thể hiểu rõ cách mà quyền con người được kiến tạo, cách làm thế nào nó được chấp nhận, điều chỉnh hoặc bị thách thức trong các bối cảnh chính trị, văn hóa khác nhau.

5. Giải pháp tăng cường giá trị ứng dụng lý thuyết mã hóa - giải mã trong truyền thông về quyền con người trên phát thanh

Trên cơ sở những giá trị lý luận của lý thuyết mã hóa - giải mã, việc đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường khả năng ứng dụng lý thuyết này trong truyền thông về quyền con người trên phát thanh trở nên cần thiết, góp phần nâng cao hiệu quả truyền tải thông điệp và mở rộng không gian tiếp nhận, đối thoại của công chúng.

Thứ nhất, để vận dụng hiệu quả lý thuyết mã hóa - giải mã trong truyền thông về quyền con người trên phát thanh, cần nâng cao nhận thức về tính định hướng và ý thức hệ của thông điệp truyền thông. Việc thừa nhận rằng, mỗi chương trình phát thanh đều được mã hóa trong những khung giá trị và định hướng xã hội nhất định, giúp người làm truyền thông chủ động hơn trong lựa chọn ngôn ngữ và cách thể hiện. Thay vì trình bày quyền con người như những khái niệm trừu tượng, nội dung phát thanh nên gắn với các tình huống cụ thể của đời sống xã hội, qua đó làm cho thông điệp trở nên dễ tiếp cận và phù hợp hơn với nhận thức của công chúng.

Thứ hai, cần xem công chúng thính giả là chủ thể tích cực trong quá trình tiếp nhận và kiến tạo ý nghĩa. Theo lý thuyết của Stuart Hall, cùng một thông điệp có thể được giải mã theo nhiều cách khác nhau tùy thuộc vào kinh nghiệm, bối cảnh và hệ giá trị của người nghe. Vì vậy, truyền thông phát

thanh về quyền con người cần được xây dựng theo hướng hạn chế áp đặt, tăng cường tính gợi mở và đối thoại. Cách tiếp cận này giúp giảm khả năng giải mã đối kháng, đồng thời khuyến khích sự thương lượng ý nghĩa giữa thông điệp và công chúng.

Thứ ba, phát thanh cần được phát huy như không gian trung gian của các diễn ngôn xã hội về quyền con người. Trong bối cảnh tồn tại nhiều cách hiểu khác nhau, việc trình bày vấn đề một cách phân tích, giải thích và đặt trong bối cảnh xã hội cụ thể sẽ giúp công chúng hiểu rõ hơn bản chất của quyền con người, thay vì tiếp nhận thông tin một chiều.

Bên cạnh đó, việc nghiên cứu phản hồi của thính giả cần được coi là một phần quan trọng trong quá trình vận dụng lý thuyết mã hóa - giải mã. Thông qua việc phân tích ý kiến, câu hỏi và phản ứng của công chúng, người làm phát thanh có thể nhận diện các kiểu giải mã chủ yếu, từ đó điều chỉnh cách mã hóa thông điệp cho phù hợp hơn với bối cảnh tiếp nhận. Cuối cùng, để nâng cao giá trị ứng dụng lâu dài của lý thuyết mã hóa - giải mã, cần chú trọng nâng cao năng lực chuyên môn và tư duy truyền thông cho đội ngũ làm phát thanh.

Như vậy, các giải pháp nêu trên có mối quan hệ chặt chẽ và bổ trợ lẫn nhau trong việc tăng cường giá trị ứng dụng của lý thuyết mã hóa - giải mã vào truyền thông về quyền con người trên phát thanh. Trong đó, giải pháp cần được ưu tiên trước hết là nâng cao nhận thức của người làm phát thanh về tính định hướng và ý thức hệ của thông điệp, bởi đây là nền tảng lý luận chi phối toàn bộ quá trình mã hóa nội dung. Trên cơ sở đó, việc xem công chúng như chủ thể tích cực và xây dựng thông điệp theo hướng gợi mở, đối thoại giữ vai trò then chốt trong việc giảm thiểu giải mã đối kháng và thúc đẩy sự thương lượng có ý nghĩa.

Về lâu dài, những giải pháp mang tính bền vững là phát huy phát thanh như không gian trung gian của các diễn ngôn xã hội, đồng thời đầu tư nâng cao năng lực chuyên môn, tư duy truyền thông và kỹ năng phân tích phản hồi công chúng cho đội ngũ làm phát thanh. Đây chính là điều kiện cần thiết để lý thuyết mã hóa - giải mã không chỉ

được vận dụng về mặt lý thuyết, mà thực sự trở thành công cụ hiệu quả trong thực tiễn truyền thông về quyền con người.

6. Kết luận

Như vậy, lý thuyết mã hóa - giải mã của Stuart Hall chính là một công cụ lý thuyết mạnh mẽ, cho phép nghiên cứu sâu sắc quá trình truyền tải, tiếp nhận và diễn giải thông điệp trên phát thanh hiện đại. Tuy nhiên, chưa có công trình nào thực hiện nghiên cứu về vấn đề này để đo lường mức độ giải mã và phản hồi của công chúng. Dựa trên cơ sở đó, nghiên cứu cung cấp cơ sở lý thuyết nhằm tiến tới gọi mở cho nghiên cứu thực trạng về thông điệp quyền con người trong bối cảnh phát thanh hiện đại./.

(1), (22) Hall, S. (1980), *Encoding/decoding*, In Culture - media - language, p.128-138.

(2), (3), (4) Hall, S. (2019), *Encoding-Decoding*. In Crime and media (pp. 44-55). Routledge.

(5) Heinze, E., & Freedman, R (2010). *Public awareness of human rights: distortions in the mass media*. The International Journal of Human Rights, 14(4), 491-523.

(6) Apodaca, C. (2007), *The whole world could be watching: human rights and the media*. Journal of Human Rights, 6(2), 147-164.

(7) Nguyễn Thị Thu Hà (2024), *Vai trò bảo vệ quyền con người của truyền thông trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*. Tạp chí pháp luật về quyền con người điện tử, số 41/2024

(8) Tường Duy Kiên (2017), *Truyền thông, báo chí và vấn đề bảo vệ, bảo đảm quyền con người ở Việt Nam hiện nay*. Tạp chí Lý luận chính trị điện tử, số 10.07.2017

(9) Lê Thị Trang (2023), *Tiếp cận dựa trên quyền con người trong việc thực hiện pháp luật về bảo vệ quyền của nhóm yếu thế ở Việt Nam hiện nay*. Tạp chí Cộng sản, số 28.11.2023

(10) Silecchia, S., Vezzani, F., & Di Nunzio, G. M. (2022), *Knowledge Representation and Language Simplification of Human Rights*. In Proceedings of the Workshop on Terminology in the 21st century: many faces, many places (pp. 8-12).

(11) Johannessen, M. (2015), *How Should the Claim that Human Rights are Universal be Reconciled with the Actual Cultural Diversity in the World?*. Essex Student Journal, <https://publications.essex.ac.uk/esj/article/id/38/>

(12) Sustainability Directory (2025), *Why is cultural sensitivity important in human rights?*. <https://lifestyle.sustainability-directory.com/question/why-is-cultural-sensi->

[tivity-important-in-human-rights/](https://lifestyle.sustainability-directory.com/question/why-is-cultural-sensitivity-important-in-human-rights/)

(13) Lax, S., Ala-Fossi, M., Jauert, P., & Shaw, H. (2008), *DAB: the future of radio? The development of digital radio in four European countries*. Media Culture & Society, 30 (2), 151-166.

(14) Hallett, L. (2021), *Broadcast radio: Technology, challenges and opportunities in the twenty-first century*. Interactions Studies in Communication & Culture, 12 (1), 17-37.

(15) Hanum, H., Niah, S., & Pahmi, P. (2023), *The Development of Podcast-Based-Audio Learning in Material Introducing Ourselves at 10th Grade SMA Muhammadiyah 1 Pekanbaru*. Journal of Education and Learning Research, 1(1), 37-46.

(16) Nguyễn Văn Trường (2020), *Phát thanh trong bối cảnh cạnh tranh hiện nay*. Tạp chí Người làm báo, số ngày 22.7.2020.

(17) Vũ Quốc Cường (2020), *Tổng quan về phát thanh kỹ thuật số trên mạng Internet*. Tạp chí Lý luận chính trị & Truyền thông, số 1+2.2005

(18) Campbell, C. P. (2016), *The Routledge companion to media and race*. Taylor & Francis.

<https://library.oapen.org/bitstream/handle/20.500.12657/41395/?sequence=1>

(19) Iswarinda, M., Dewi, E. a. S., & Bakry, G. N. (2025), *Political Communication in Television Media: A Study of Encoding/Decoding on Voters in the 2024 Election*. Journal of Public Representative and Society Provision, 5(2), 439-448.

(20) Vũ Thị Minh Tâm (2025), *Mô hình mã hóa và giải mã của Stuart Hall và ứng dụng để định hình thông điệp đối ngoại trên báo mạng điện tử*. Tạp chí Lý luận chính trị.

(21) Phạm Thị Thanh Tịnh (2021), *Sử dụng mô hình mã hóa/ giải mã của Stuart Hall trong nghiên cứu thông điệp truyền thông về vấn đề dân tộc*. Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông 2020.

(23) Croteau, D., & Hoynes, W. (2013), *Media/society: Industries, images, and audiences*. Sage Publications

(24) Szczepanik, M (2014), *The Human Rights Discourse and the Question of Power. Application of critical discourse analysis to the study of the human rights language*. International Journal on Rule of Law, Transitional Justice and Human Rights, 5(5), 13-23.

(25) Hall, S. (2021), *Stuart Hall and cultural studies: Decoding cultural oppression*. Sage Pub https://us.sagepub.com/sites/default/files/upm-binaries/13286_Chapter_2_Web_Byte_Stuart_Hall.pdf